**Toán**

**Bài 72. MÉT KHỐI**

1. tiết – SGK trang 41)
2. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

– Nhận biết được đơn vị đo thể tích mét khối:

+ Biểu tượng, tên gọi, kí hiệu.

+ Đọc, viết các số đo theo đơn vị mét khối.

+ Quan hệ với đơn vị đề-xi-mét khối, xăng-ti-mét khối, chuyển đổi đơn vị đo.

* Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến mét khối.
* HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung**

 Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

 Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

 Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

 Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

 Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

 Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

 GV: Đồ dùng trực quan dùng cho Luyện tập 1.

 HS: Bộ đồ dùng học toán.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** |
| **1. Khởi động** | |
| * GV cho HS quan sát hình ảnh phần Khởi động. * Từ nội dung bóng nói, GV giới thiệu bài. | – HS quan sát hình ảnh phần Khởi động.  A group of children in uniform  Description automatically generated |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Mét khối** | |
| **Giới thiệu mét khối**   * GV vừa giới thiệu vừa viết bảng:   + Mét khối là một đơn vị đo thể tích.  + Mét khối viết tắt là m3.  + 1 m3 là thể tích của hình lập phương có cạnh dài 1 m.  **Quan hệ giữa mét khối và đề-xi-mét khối, xăng-ti-mét khối**   * GV đặt vấn đề: Một mét khối bằng bao nhiêu đề-xi-mét khối, bao nhiêu xăng-ti-mét khối? * GV hệ thống hoá cách làm.   + Người ta xếp các hình lập phương nhỏ cạnh 1 dm vào hình lập phương cạnh 1 m.  Xếp được mấy lớp, mỗi lớp xếp bao nhiêu hình lập phương? | * HS lặp lại:   + Mét khối là một đơn vị đo thể tích.  + Mét khối viết tắt là m3.  + 1 m3 là thể tích của hình lập phương có cạnh dài 1 m.   * HS viết 1 m3 vào bảng con. * HS quan sát hình ảnh   trong SGK, thảo luận  nhóm bốn rồi trình bày.  Xếp được 10 lớp, mỗi lớp có 100 hình lập phương nhỏ (10 x 10 = 100). |
| Xếp được bao nhiêu hình lập phương  nhỏ thì đầy?  1 m3 = ? dm3 1 dm3 = ? cm3 1 m3 = ? cm3  – GV viết lên bảng lớp:  A number of a number  Description automatically generated with medium confidence | Xếp được 1 000 hình lập phương nhỏ thì đầy (100 x 10 = 1 000).  1 m3 = 1 000 dm3  1 dm3 = 1 000 cm3  1 m3 = 1 000 000 cm3  (vì 1 000 x 1 000 = 1 000 000)  – HS viết bảng con:  A number of a number  Description automatically generated with medium confidence |
| **3. Luyện tập – Thực hành** | |
| *Thực hành* |  |
| **Bài 1:** |  |
| – GV hướng dẫn HS quan sáthình ảnh trong SGK. Bước đầu HS làm quen với độ lớn của 1 m3 qua hình ảnh khung hình lập phương có cạnh 1 m. Khung này được vẽ cạnh bạn HS để các em dễ hình dung. | – HS thảo luận nhóm đôi, so sánh thể tích của một số vật với 1 m3 và giải thích.  Ví dụ:  + Thể tích cặp sách bé hơn 1 m3 (chiếc cặp có thể nằm hoàn toàn trong khung). |
|  | + Thể tích phòng học lớn hơn 1 m3 (chiếc khung nằm hoàn toàn trong phòng học). |
|  | … |
| **Bài 2:** |  |
| – GV hỏi nhanh: | – HS đáp gọn: |
| + Chuyển đổi: dm3  m3, cm3 | + Nhân với 1 000; 1 000 000. |
| + Chuyển đổi: dm3  m3  cm3  m3 | + Chia cho 1 000.  Chia cho 1 000 000.  – HS thực hiện cá nhân, chia sẻ nhóm đôi. |
|  | a) 2 m3 = 2 000 dm3 m3 = 750 dm3 |
|  |  |
|  | 1,2 m3 = 1 200 000 cm3 |
|  | b) 5 000 dm3 = 5 m3 2 500 dm3 = 2,5 m3 |
|  | 7 000 000 cm3 = 7 m3 |
| – Sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm. | – HS giải thíchcách làm. |
|  | Ví dụ: |
|  | m3 = (0,75 × 1 000) dm3 = 750 dm3 |
|  |  |
|  | … |
| *Luyện tập* |  |
| **Bài 1:** | – HS nhóm đôi quan sát hình ảnh trong SGK, nhận biết yêu cầu, thảo luận rồi trình bàytrước lớp. |
| – Sửa bài, GV khuyến khích HS nêucách làm. | a) Ghép hình A và hình C; |
|  | Ghép hình B và hình D. |
| GV dùng đồ dùng trực quan để HS nhận biết mỗi hình sau khi ghép. | b) Thể tích mỗi hình ghép được là 15 m3. |
|  | – HS nêucách làm. |
|  | 1. Ghép hình A và hình C.   A diagram of a cube  Description automatically generated with medium confidence  Ghép hình B và hình D.  A black arrow pointing to a grey cube  Description automatically generated  Được hai hình hộp chữ nhật, mỗi hình đều gồm 15 hình lập phương.   1. Mỗi hình lập phương có cạnh 1 m nên thể tích là 1 m3   Thể tích mỗi hình ghép được là 15 m3. |
| **4. Vận dụng – Trải nghiệm** | |
| **Bài 2:**   * Sửa bài, GV khuyến khích HS trình bày.   **Vui học**   * Sửa bài, GV khuyến khích HS nêucách làm. | * HS tìm hiểu bài rồi thực hiện cá nhân.   2,5 m3 = 2 500 dm3  Bồn đó chứa được 2 500 *l* nước.   * HS nhóm bốn tìm hiểu bài, thảo luận rồi   trình bày trước lớp.   * HS viết đáp án vào bảng con: 50 phút * HS nêu cách làm.   10 cm = 1 dm  Mỗi khối nhựa cạnh 1 dm có thể tích 1 dm3. Hình lập phương sau khi xếp có cạnh 1 m nên thể tích là 1 m3.  Do 1 m3 = 1000 dm3 nên hình lập phương sau khi xếp gồm 1000 khối nhựa.  Xếp mỗi khối nhựa cần 3 giây.  3 x 1 000 = 3 000  Rô-bốt hoàn thành công việc trong 3 000 giây.  3 000 giây = 50 phút (vì 3 000 : 60 = 50)  … |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**